

NGHỊ QUYẾT
V/v phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KHÓA XX
KỶ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015;

Sau khi xem xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách huyện năm 2017 như sau:

1. Tổng thu ngân sách cấp huyện: 550.762.683.000đ

Trong đó

- Thu cân đối ngân sách 550.762.683.000đ
- Các khoản thu để lại đơn vị QL qua NSNN: 0đ

2. Tổng chi ngân sách cấp huyện: 550.762.683.000đ

Trong đó

- Chi ngân sách huyện 404.619.997.000đ
- Chi ngân sách cấp dưới 146.142.686.000đ

3. Kết dư ngân sách cấp huyện năm 2017: 0đ

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Nghi Xuân khóa XX, kỳ họp thứ 7 thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- TT H.ủy, HĐND;UBND huyện;
- ĐB HĐND huyện khoá XX;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, UBND.
- Gửi: + Bản ĐT: Các thành phần có địa chỉ I-O;
+ VB giấy: Các thành phần còn lại.

CHỦ TỊCH



Trần Báu Hà



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 25/7/2018 của HĐND huyện)

ĐVT: Ngàn đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh (%)	
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)	443.730.000	449.730.000	848.689.109	6.944.470	6.732.607	550.762.683	284.249.349	191%	189%
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	119.000.000	125.000.000	211.554.033	6.944.470	6.732.607	73.657.360	124.219.596	178%	169%
I	Thu nội địa	119.000.000	125.000.000	202.415.893	2.559.887	6.732.607	73.657.360	119.466.039	170%	162%
1	Thu từ khu vực DNNN	12.500.000	12.500.000	3.402.616	0	2.085.339	1.317.277	0	27%	27%
-	Thuế GTGT - TNDN	12.500.000	12.500.000	3.293.192		1.975.915	1.317.277		26%	26%
	Thuế Tiêu thụ đặc biệt			0						
	Thuế Tài nguyên			109.424		109.424				
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có VĐT nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0		
	Thuế GTGT - TNDN			0						
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt			0						
-	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			0						
-	Thuế Tài nguyên			0						
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	26.500.000	26.500.000	21.582.975	79.808	0	16.696.565	4.806.602	81%	81%
-	Thuế GTGT - TNDN	25.900.000	25.900.000	20.714.499	79.808		16.047.088	4.587.603	80%	80%
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	100.000	100.000	149.664			74.832	74.832	150%	150%
-	Thuế Tài nguyên	500.000	500.000	718.812			574.645	144.167	144%	144%
4	Lệ phí trước bạ	15.000.000	15.000.000	17.235.957			12.664.112	4.571.845	115%	115%

TT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh (%)	
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			102.421				102.421		
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500.000	500.000	613.404				613.404	123%	123%
7	Thuế thu nhập cá nhân	4.000.000	4.000.000	5.055.624		2.527.811	2.527.813		126%	126%
8	Thuế bảo vệ môi trường			0						
9	Phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000	3.568.358	310.413	72.533	963.897	2.221.515	119%	119%
10	Tiền sử dụng đất	47.000.000	53.000.000	127.507.188			36.866.793	90.640.395	271%	241%
11	Tiền thuê đất, mặt nước	4.000.000	4.000.000	13.120.795		829.057	1.385.052	10.906.686	328%	328%
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.500.000	1.500.000	1.318.394		659.197	659.197		88%	88%
13	Thu tại xã	2.500.000	2.500.000	5.603.171	0	0	0	5.603.171	224%	224%
-	Thu bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất			122.358				122.358		
-	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	2.500.000	2.500.000	3.637.153				3.637.153	145%	145%
-	Thu phạt			175.952				175.952		
-	Thu tịch thu			0						
-	Thu hồi các khoản chi năm trước			0						
-	Thu bán, cho thuê tài sản			0						
-	Thu khác ngân sách còn lại			1.667.708				1.667.708		
14	Thu khác ngân sách	2.500.000	2.500.000	3.304.990	2.169.666	558.670	576.654	0	132%	132%
-	Thu phạt an toàn giao thông	1.500.000	1.500.000	1.121.485	1.121.485				75%	75%
-	Thu phạt (không bao gồm phạt ATGT)			1.236.270	908.481	124.081	203.708			
-	Thu tịch thu			92.530	92.530					

TT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh (%)	
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	UBND tỉnh giao	HĐND huyện quyết định
-	Thu hồi các khoản chi năm trước			59.286	47.170	12.116				
-	Thu bán, cho thuê tài sản			67.091			67.091			
-	Thu khác ngân sách còn lại	1.000.000	1.000.000	728.328		422.473	305.855		73%	73%
H	Thu viện trợ	0		0						
III	Thu từ NXK (Thuế XK)	0		4.384.583	4.384.583					
IV	Các khoản huy động, đóng góp	0	0	4.753.557	0	0	0	4.753.557		
1	Các khoản huy động đóng góp XD cơ sở hạ tầng			4.291.171				4.291.171		
2	Các khoản huy động đóng góp khác			462.386				462.386		
B	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	324.730.000	324.730.000	564.497.186	0	0	409.855.921	154.641.265	174%	174%
	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	324.730.000	324.730.000	564.473.186	0	0	409.831.921	154.641.265	174%	174%
	Bổ sung cân đối	324.730.000	324.730.000	363.599.781			306.282.926	57.316.855	112%	112%
	Bổ sung có mục tiêu	0		200.873.405			103.548.995	97.324.410		
H	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0		24.000			24.000			
C	THU CHUYỂN NGUỒN	0		72.637.890			67.249.402	5.388.488		
D	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH	0		0						

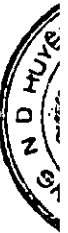
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 25/7/2018 của HĐND huyện)

ĐVT: *Ngàn đồng*

TT	Nội dung chi	Dự toán 2017	Quyết toán NSNN năm 2017	Tỷ lệ % TH/DT
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B)	380.706.822	550.762.683	145%
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	310.411.000	404.619.997	130%
I	Chi đầu tư phát triển	12.840.000	14.808.168	115%
1	Sửa chữa, mua sắm TS cơ quan	307.492	1.096.000	356%
2	Trả nợ	3.332.508	2.652.770	80%
-	Nhà làm việc 2 tầng phòng GD-ĐT	100.000	100.000	100%
-	Nâng cấp cải tạo sân vận động huyện	500.000	314.523	63%
-	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc MTTQ	100.000	100.000	100%
-	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy	700.000	236.242	34%
-	Nâng cấp sửa chữa đường vào nghĩa trang Liệt sỹ huyện	477.000	477.078	100%
-	Hạ tầng kỹ thuật, đèn chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh đường vào nghĩa trang LS	385.000	385.443	100%
-	Nhà học 2 tầng 10 phòng trường Mầm non Xuân Hồng	500.000	500.000	100%
-	Nhà học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học & THCS Xuân Lĩnh	100.000	100.000	100%
-	Nhà làm việc Công an huyện	150.000	150.000	100%
-	Cổng chào Trung tâm huyện	67.000	67.000	100%
-	Cải tạo, nâng cấp hàng rào, cổng nhà xe, sân nội bộ TT chính trị	70.000	38.976	56%
-	Công trình cơ sở cấp phát thuốc Methadone tại TT y tế dự phòng	183.508	183.508	100%
3	Công trình xây dựng mới 2017	2.050.000	750.000	37%
-	Nhà làm việc UBND huyện	1.000.000	0	0%
-	Lắp đặt hệ thống Camera tại trục đường huyện	500.000	500.000	100%
-	Lắp đặt hệ thống đèn trang trí tại Trung tâm huyện	50.000	50.000	100%
-	Chỉnh lý khối Tài liệu UBND huyện	200.000	200.000	100%
-	Hạ tầng nuôi tôm trên cát Đan - Trường-Yên	50.000	-	0%
-	Nâng cấp sửa chữa Hội trường UBND huyện	200.000	-	0%
-	Nâng cấp, sửa chữa đường Mỹ-Hoa	50.000	0	0%
4	Các chính sách 2017	4.000.000	4.070.000	102%



TT	Nội dung chi	Dự toán 2017	Quyết toán NSNN năm 2017	Tỷ lệ % TH/DT
-	Hỗ trợ các xã về dịch NTM	3.000.000	3.270.000	109%
-	Các chính sách hỗ trợ Nông nghiệp, Du lịch	800.000	800.000	100%
-	Hỗ trợ mua xe rác	200.000		0%
5	Trả tiền đo vẽ bản đồ cấp giấy	1.000.000	928.680	93%
6	XD khu căn cứ chiến đấu và khu vực phòng thủ	100.000	0	0%
7	Hỗ trợ thực hiện các quy hoạch huyện	500.000	315.206	63%
8	Trả nợ tiền hỗ trợ đối ứng X.mãng các xã năm 2016	1.350.000	1.350.000	100%
9	Duy tu bảo dưỡng đường liên xã (Vốn đối ứng)	200.000	200.000	100%
10	Các công trình XD CB thuộc NS tỉnh hỗ trợ ngoài danh mục đầu năm	-	3.445.512	
-	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng Khu du lịch Xuân Thành (Giai đoạn 2)		2.000.000	
-	Cầu Biệt Biệt xã Xuân Viên		1.000.000	
-	Cải tạo nâng cấp sân vận động huyện		445.512	
II	Chi Thường xuyên	291.824.000	336.193.484	115%
1	Sự nghiệp kinh tế	9.382.000	9.532.864	102%
-	Sự nghiệp Lâm nghiệp	60.000	60.000	100%
-	Sự nghiệp Nông nghiệp	90.000	201.610	224%
-	Sự nghiệp Thủy lợi 50tr + Phòng chống bão lụt 100tr	150.000	195.000	130%
-	Sự nghiệp Giao thông + Ban ATGT	80.000	80.000	100%
-	Sự nghiệp Thủy sản	80.000	80.000	100%
-	Sự nghiệp quản lý Tài Nguyên - Môi trường	150.000	315.000	210%
-	Công nghiệp - TTCN 70tr; Hội khoa học kỹ thuật 30tr	100.000	100.000	100%
-	Sự nghiệp Thương mại và Du lịch - Dịch vụ - Doanh nghiệp	80.000	80.000	100%
-	Sự nghiệp Kinh tế khác	250.000	628.320	251%
-	KP miễn giảm Thủy lợi phí theo NĐ 67/2012/NĐ-CP	2.418.000	2.307.324	95%
-	KP đất trồng lúa theo NĐ 35/2015/NĐ-CP	3.304.000	2.568.000	78%
-	Đối ứng các chính sách phát triển NNNT + Hỗ trợ các Ban Chi đạo, phòng hoạt động triển khai chính sách cấp huyện + Xe vận chuyển + Lò đốt + Các xã NTM 2017; Kp tổ chức cuộc thi xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu + Khác	2.500.000	2.500.000	100%
-	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo Xây dựng Nông thôn mới.	120.000	417.610	348%
2	TT Ứng dụng Khoa học kỹ thuật & Bảo vệ cây trồng vật nuôi (80/20)	938.813	1.510.036	161%
-	Bộ máy của Trung tâm	751.050	751.050	100%
-	Hoạt động bộ máy trung tâm	187.763	758.986	404%
3	Văn phòng Đăng ký QSD đất (80/20)	368.386	519.699	141%

TT	Nội dung chi	Dự toán 2017	Quyết toán NSNN năm 2017	Tỷ lệ % TH/DT
-	Bộ máy biên chế	291.509	291.509	100%
-	Hoạt động	76.877	228.190	297%
4	Sự nghiệp Môi trường	900.000	900.000	100%
5	Sự nghiệp đào tạo thuộc Trung tâm chính trị (80/20)	1.106.269	1.309.613	118%
-	Bộ máy biên chế	541.015	541.015	100%
-	Hoạt động bộ máy	135.254	135.254	100%
-	Thực hiện nhiệm vụ đào tạo trên địa bàn theo quy định của tỉnh tại QĐ số 58/2016/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2016	430.000	633.344	147%
6	Sự nghiệp Văn hoá-Thông tin (80/20)	1.120.896	1.388.680	124%
-	Bộ máy biên chế + HĐ	749.869	749.869	100%
-	Hoạt động BC +HĐ	187.467	455.251	243%
-	CLB ca trù & Quản lý di tích Nguyễn Công Trứ	43.560	43.560	100%
-	Sự nghiệp văn hoá	140.000	140.000	100%
7	Sự nghiệp Thể thao	340.000	494.000	145%
-	Hoạt động thể thao	140.000	140.000	100%
-	Đại hội TDTT lần thứ VIII	200.000	354.000	177%
8	Đài truyền Thanh -Truyền Hình (80/20)	1.212.429	1.733.490	143%
-	Bộ máy biên chế	849.943	849.943	100%
-	Hoạt động	212.486	733.547	345%
-	Hoạt động SN Truyền hình (Nhuận bút; Tuyên truyền; Truyền hình)	50.000	50.000	100%
-	Kp xây dựng chương trình và sửa chữa thiết bị trạm phát sóng lại	100.000	100.000	100%
9	Trung tâm Dân số KHH Gia đình (80/20)	622.640	1.289.253	207%
-	Bộ máy biên chế	418.112	418.112	100%
-	Hoạt động bộ máy + 0,1% sự nghiệp dân số theo đề án: 100tr	204.528	871.141	426%
10	Trung tâm y tế dự phòng(80/20)	11.939.386	13.749.947	115%
10.1	Phân trung tâm	2.448.421	3.912.435	160%
-	Bộ máy biên chế	1.949.467	1.949.467	100%
-	Hoạt động	487.367	1.951.381	400%
-	Hỗ trợ Bác sỹ, dược sỹ TT Y tế dự phòng (QĐ số 03/2012):HSLCB*20%*MLCS*12T	11.587	11.587	100%
10.2	Phân Trạm y tế	9.490.965	9.837.512	104%
-	Quỹ lương+BH 19 trạm y tế (104 người)	7.394.211	7.394.211	100%
-	Hoạt động 19 trạm y tế	556.554	556.554	100%
-	Tiền trực 19 trạm y tế	195.000	195.000	100%
-	Hỗ trợ Bác sỹ trạm y tế: (QĐ số 03/2012)-Số lượng BS*MLCS*12T	145.200	145.200	100%

TT	Nội dung chi	Dự toán 2017	Quyết toán NSNN năm 2017	Tỷ lệ % TH/DT
-	Kinh phí NĐ 64/2009; NĐ 56/2011; NĐ 116-Tạm tính	1.200.000	1.546.547	129%
11	Chi đảm bảo xã hội	25.978.283	24.730.858	95%
11.1	Hội quần chúng (80/20)	1.386.283	2.074.495	150%
-	Hội chữ Thập đỏ.	231.641	338.953	146%
+	Bộ máy biên chế	125.313	125.313	100%
+	Hoạt động bộ máy	31.328	138.640	443%
+	Hoạt động cứu trợ	75.000	75.000	100%
-	Hội Người mù	233.641	323.278	138%
+	Bộ máy biên chế	186.913	186.913	100%
+	Hoạt động	46.728	136.365	292%
-	Hội Người cao tuổi	120.601	262.834	218%
+	Bộ máy biên chế	80.481	80.481	100%
+	Hoạt động	20.120	162.353	807%
+	Hoạt động 01 chuyên trách hội	20.000	20.000	100%
-	Các Hội không chuyên trách còn lại (13 hội không chuyên trách: 260tr; Tạp chí giang đình 50tr)	310.000	659.030	213%
-	Khuyến học = Hỗ trợ HS nghèo 50 + Khuyến học 120+Ban chỉ đạo học tập suốt đời 30tr	200.000	200.000	100%
-	Phụ cấp các hội đặc thù theo QĐ số 3239;440/QĐ-UBND tỉnh	290.400	290.400	100%
+	Hội dioxin (da cam): 01 Chủ tịch hệ số 2,5+ 01 Phó chủ tịch hệ số 2,0	65.340	65.340	100%
+	Hội bảo trợ khuyết tật và trẻ em mồ côi: 01 Chủ tịch hệ số 2,5	36.300	36.300	100%
+	Hội Khuyến học: 01 Chủ tịch hệ số 2,5+ 01 Phó chủ tịch hệ số 2,0	65.340	65.340	100%
+	Hội Cựu thanh niên xung phong: 01 Chủ tịch hệ số 2,5+ 01 Ủy viên thư ký hệ số 1,5	58.080	58.080	100%
+	Hội người cao tuổi: 01 Chủ tịch hệ số 2,5+01 phó chủ tịch hệ số 2,0,	65.340	65.340	100%
11.2	Quản trang, khánh tiết, và bảo đảm xã hội khác (Trong đó: Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ: 50tr)	500.000	725.000	145%
11.3	Chi bảo hiểm y tế người nghèo: (5.011 đối tượng x 1.210.000đ x 4,5% x 12T) -Tạm tính khi chưa rà soát và chưa tính nâng lương 2017	3.274.000	3.703.191	113%
11.4	Bảo hiểm y tế đối với đối tượng bảo trợ XH	1.437.000	1.461.172	102%
11.5	Trợ cấp Thường xuyên cho các đối tượng theo NĐ 136/NĐ-CP	19.381.000	16.767.000	87%
12	Chi Quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể (75/25)	23.299.725	31.533.648	135%
a.	Chi Quản lý Nhà nước.	12.904.794	18.240.227	141%
-	Hội đồng nhân dân huyện	1.274.981	1.660.308	130%
+	Biên chế	410.200	410.200	100%
+	Hoạt động bộ máy	136.733	136.733	100%
+	Hỗ trợ Ban Thường vụ 01 người+ Ban Thường trực 02 TT HỘND)	48.000	48.000	100%

TT	Nội dung chi	Dự toán 2017	Quyết toán NSNN năm 2017	Tỷ lệ % TH/DT
+	PC HĐND (31 người; Mức tính 0,4 + Pc kiêm nhiệm=12,4*1.210.000đ*12T)	180.048	180.048	100%
+	Chi các kỳ họp, hoạt động giám sát HĐND và chi hoạt động khác	500.000	885.327	177%
-	Cơ quan UBND huyện	9.992.793	14.938.824	149%
+	Biên chế +HD	5.476.174	5.476.174	100%
+	Hoạt động BC+HD của bộ máy	1.825.391	1.825.391	100%
+	PC cấp uỷ UBND huyện (13 người x 0,3x 1.210.000đ x 12T)	56.628	56.628	100%
+	Phụ cấp đặc thù cho Bác sỹ, dược sỹ quản lý phòng Y tế cấp huyện (QĐ số 03/2012)-HSLCB*30%*MLCS*12T	20.600	20.600	100%
+	Hỗ trợ Ban Thường trực, Thường vụ (01TT+02TV)	84.000	84.000	100%
+	Hoạt động chi bộ cơ sở theo QĐ 99/2012/QĐ-TW: 250tr/chính quyền/năm	250.000	250.000	100%
+	Chi hoạt động của UBND huyện	1.600.000	5.622.031	351%
+	Chi hoạt động trang Web (hoạt động+nhuận bút+khác):100tr+ISô: 50tr	150.000	168.000	112%
+	Tuyên truyền PL (Tư pháp)+ kiểm tra rà soát VB QPPL và công tác hòa giải cơ sở...	80.000	162.000	203%
+	Thanh tra nhà nước	80.000	222.000	278%
+	Công tác tôn giáo Nội vụ, TĐKT	80.000	315.000	394%
+	Quản lý Nhà nước về Văn hoá (Trong đó: Phong trào toàn dân: 50tr; hoạt động công nghệ TT:30tr; Tạp chí Nghi Xuân Địa chí 100tr)	180.000	497.000	276%
+	Quản lý Nhà nước về Y tế	30.000	65.000	217%
+	Tiếp dân, xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo...	80.000	175.000	219%
-	Phòng Giáo dục & Đào tạo (75/25)	1.637.020	1.641.095	100%
+	Biên chế	1.227.765	1.227.765	100%
+	Hoạt động	409.255	413.330	101%
b.	Ngân sách hoạt động của Đảng	7.037.949	9.068.490	129%
*	Huyện uỷ	6.858.745	8.862.490	129%
-	Cơ quan Huyện uỷ	4.552.517	4.552.517	100%
+	Biên chế	3.414.388	3.414.388	100%
+	Hoạt động bộ máy	1.138.129	1.138.129	100%
-	PC cấp uỷ theo QĐ 315/QĐ-TW; 39 người phụ cấp 0,4	226.512	226.512	100%
-	PC cơ yếu (Tiền ăn+Trang phục; Phụ cấp đã tính trong hệ số PC theo lương)	23.500	23.500	100%
-	Hỗ trợ Ban Thường trực, Tvụ, CVP (02TT+04Tvụ+01 CVP)	180.000	180.000	100%
-	PC báo cáo viên huyện xã (29 người phụ cấp 0,2)	84.216	84.216	100%
-	Trợ cấp lão thành cách mạng (Mai Thị Chín)	22.000	22.000	100%
-	Hoạt động chi bộ cơ sở theo QĐ 99/2012/QĐ-TW: 200tr/huyện uỷ/năm	200.000	200.000	100%

TT	Nội dung chi	Dự toán 2017	Quyết toán NSNN năm 2017	Tỷ lệ % TH/DT
-	Hoạt động của cấp ủy huyện và khác	1.400.000	3.403.745	243%
-	BCĐ công tác tôn giáo; BCĐ quy chế dân chủ; BCĐ dân vận khéo	15.000	15.000	100%
-	Ban CD cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương của Bác	50.000	50.000	100%
-	Hoạt động các ban Đảng: 4 ban	40.000	40.000	100%
-	Tạp chí thông tin của huyện	65.000	65.000	100%
*	Ban Chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cán bộ	179.204	206.000	115%
-	Phụ cấp cho CB bảo vệ SK, chăm sóc cán bộ theo văn bản số 1278/CV-VPTW ngày 30/3/2009: (9 người x 0.3 x 1.210.000đ x 12T)	39.204	39.204	100%
-	Hoạt động khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ	90.000	116.796	130%
-	Kinh phí thăm viếng; Kp theo qui định 336/QĐ/TU và thông báo số 166/TB/HU	50.000	50.000	100%
c.	Đoàn thể cấp huyện	3.356.982	4.224.931	126%
-	Mặt Trận Tổ Quốc	1.158.608	1.399.551	121%
+	Biên chế	677.706	677.706	100%
+	Hoạt động bộ máy	225.902	466.845	207%
+	Ủy Ban đoàn kết Công giáo theo VB số 286/BTC-HCSN ngày 13/6/2012 của BTC, Ban đại diện phật giáo huyện và các nhiệm vụ khác	120.000	120.000	100%
+	Hỗ trợ sinh hoạt phí UVUB MTTQ theo QĐ số 33/2014/TTg ngày 28/5/2014 và CV số 166/CV-MT TTQ tỉnh (22 người x120.000đ/tháng x 12T)	35.000	35.000	100%
+	Hoạt động chi bộ cơ sở theo QĐ 99/2012/QĐ-TW: 100tr/Khối dân/năm	100.000	100.000	100%
-	Đoàn Thanh niên	451.737	686.524	152%
+	Biên chế	278.803	278.803	100%
+	Hoạt động	92.934	202.721	218%
+	Hội liên hiệp thanh niên; Hội đồng đội	10.000	10.000	100%
+	Đại hội Đoàn TN	70.000	195.000	279%
-	Hội Phụ nữ huyện	665.645	708.959	107%
+	Biên chế	499.234	499.234	100%
+	Hoạt động	166.411	209.725	126%
-	Hội nông dân huyện	694.747	816.148	117%
+	Biên chế	521.060	521.060	100%
+	Hoạt động	173.687	295.088	170%
-	Hội cựu chiến binh	386.245	613.749	159%
+	Biên chế	237.184	237.184	100%

TT	Nội dung chi	Dự toán 2017	Quyết toán NSNN năm 2017	Tỷ lệ % TH/DT
+	<i>Hoạt động</i>	79.061	183.565	232%
+	<i>Đại hội CCB</i>	70.000	193.000	276%
13	Chi An ninh	474.000	1.565.370	330%
-	Chi nhiệm vụ An ninh (Trong đó: Ban phòng chống Ma túy và tội phạm 50tr; QĐ 104 CP liên ngành 30tr)	450.000	1.541.370	343%
-	Hỗ trợ Ban Thường trực, Tvụ (01Tvụ)	24.000	24.000	100%
14	Chi Quốc Phòng	2.459.678	3.845.538	156%
-	Chi nhiệm vụ Quốc phòng (Trong đó: Ban An toàn làm chủ huyện 70tr; Giáo dục QP 50tr)	885.000	2.270.860	257%
-	Hỗ trợ Ban Thường trực, Tvụ (01Tvụ)	24.000	24.000	100%
-	Phụ cấp tự vệ cấp huyện -Tạm tính	90.000	90.000	100%
-	Phụ cấp DQTV theo NĐ 58/NĐ-CP -Tạm tính	1.460.678	1.460.678	100%
15	Chi các nhiệm vụ của Bãi tắm Xuân thành (80/20)	881.335	1.557.550	177%
-	<i>Biên chế</i>	393.068	393.068	100%
-	<i>Hoạt động</i>	98.267	774.482	788%
-	<i>Cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ và các hoạt động khác</i>	200.000	200.000	100%
-	<i>Điện chiếu sáng, sửa chữa+ chi khác</i>	190.000	190.000	100%
16	Chi sự nghiệp giáo dục	198.002.875	227.461.936	115%
*	Trung tâm dạy nghề -HN & GDTX (80/20)	2.273.875	2.561.570	113%
-	<i>Bộ máy biên chế</i>	1.819.100	1.819.100	100%
-	<i>Hoạt động bộ máy</i>	454.775	742.470	163%
*	Chi cho Sự nghiệp giáo dục (Trường học của các bậc học có dự toán riêng)	195.729.000	224.900.366	115%
17	Chi hỗ trợ trường trọng điểm, trường chuẩn Quốc gia +Trạm chuẩn	1.300.000	1.300.000	100%
18	Chi hoạt động ngày lễ lớn trong năm; Đoàn ra đoàn vào; Xúc tiến đầu tư; Hoạt động khác trong năm 2017	1.000.000	1.000.000	100%
19	Cải cách hành chính+Hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin	200.000	200.000	100%
20	Trả nợ vay ứng cân đối năm 2017 và bù hụt thu 2016	5.073.002	5.073.002	100%
21	Bố trí nguồn dùng CCTL, nâng lương năm 2017: 3,0tỷ; Kp phí đào tạo nâng cấp phần mềm Kế toán, Luật ngân sách 500tr	3.500.000	3.500.000	100%
22	Chi cho công tác Thi đua khen thưởng	750.000	1.348.000	180%
23	Chi khác ngân sách	524.283	544.000	104%
24	Chi từ nguồn thu xử phạt ATGT	450.000	106.000	24%
III	Chi chuyển nguồn		48.831.345	

TT	Nội dung chi	Dự toán 2017	Quyết toán NSNN năm 2017	Tỷ lệ % TH/DT
IV	Dự phòng Ngân sách huyện (Trong đó: Ngân hàng chính sách huyện: 150tr; Quỹ hội nông dân 150tr)	5.747.000	4.787.000	83%
B	CHI CHUYÊN GIAO QUA NGÂN SÁCH CẤP XÃ, THỊ TRẤN	70.295.822	146.142.686	208%
-	Trợ cấp cân đối cho ngân sách cấp xã, thị trấn 72.058,00trđ-1.460,678trđ-301,500trđ= 70.295,822trđ Phần ND 58 và thu hút theo đề án 500 tỉnh giao xuống xã cả phần NS huyện, nên rút dự toán 1.762,178 trđ về NS huyện	70.295.822	57.316.855	82%
-	Bổ sung có mục tiêu		88.825.831	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN